**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 20**

*Các vị pháp sư*, *các vị đồng tu*, *xin mời ngồi*!

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem“**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 177, hàng thứ nhấtChú Giải của Niệm lão. Nguyên Hiểu đại sư lấy “phát Bồ Đề Tâm” làm nhân chánh, lấy niệm Phật làm nhân phụ. Thiện Đạo đại sư, Linh Chi đại sư của Trung Hoa cùng với các đại sư Tịnh Độ tông của Nhật Bản thì lấy trì danh làm chánh hạnh, phát tâm làm trợ hạnh, lấy cả hai làm hỗ trợ cho nhau, chủ trương hai phái này không như nhau. Cách nói của hai phái đều có đạo lý, may thay Liên Trì đại sư trong “Sớ Sao”đã đem những điều này hòa hợp thống nhất lại. Cách làm này thật quá cừ khôi.

Liên Trì đại sư trong “Sớ Sao”có nói vẫn lấy việc “Trì danh” làm chánh hạnh, lại lấy việc trì danh làm “Phát Bồ Đề Tâm”, lấy cả hai phái hòa hợp lại thành một nghĩa. Việc phát tâm này thực tế mà nói, thì trong “Yếu Giải” của Ngẫu Ích đại sư nói rất hay. Ngài nói: “***Có được sanh về hay không, toàn là do tín, nguyện có hay không***”. Có thể vãng sanh hay không, thì điều kiện tiên quyết là bạn có tin hay không, có nguyện hay không mà thôi. Tin thật, nguyện thiết thì liền có được điều kiện vãng sanh. Phẩm vị cao thấp đều do trì danh sâu hay cạn. Điều này nói được rất hay, so với Liên Trì đại sư thì cách giảng này còn rõ ràng hơn, còn minh bạch hơn. Phía dưới là Niệm lão nói: “***Kim sùng***”, sùng là cao cả. Phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm làm tông của kinh này, như vậy rất hay.

“**Chánh thị song thủ lưỡng gia**, **phục hựu nhiếp quy danh hiệu**. **Chánh dữ Liên Trì đại sư chi ý tương khế**. **Thư thử Bát tự**. **Triển chi tắc vi triệt Ngộ Thiền sư Chi Giáo viết**. **Thật vì sinh tử**, **phát Bồ Đề Tâm**. **Dĩ thâm tín, nguyện**, **trì Phật danh hiệu**. **Hẹn chi tắc vi Ngẫu Ích đại sư**. **Sở xướng chi Tín**, **Nguyện**, **Trì Danh**”. Vị thiền sư Triệt Ngộ này dùng bốn câu nói gồm 16 chữ, nói được rất hay. Nếu như chúng ta thật sự vì việc liễu sanh tử, xuất luân hồi. Vậy thì không thể không phát Bồ Đề Tâm. Cái gì gọi là phát Bồ Đề Tâm? Bồ Đề Tâm thì làm sao mà phát? Chính là hai câu phía sau. Dùng “Tín, nguyện” sâu, trì danh hiệu Phật. Đây chính là phát Bồ Đề Tâm, trì danh hiệu Phật, chính là vãng sanh Tịnh Độ. Rút gọn lại, nói một cách đơn giản thì chính là Ngẫu Ích đại sư trong “Di Đà kinh Yếu Giải” có nói về việc “Tín, Nguyện, Trì Danh”. Di Đà Yếu Giải lấy “Tín, Nguyện, Trì Danh” làm tông, Tông chỉ của việc tu hành là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của việc tu hành, dùng kinh Di Đà làm Bổn kinh chủ tu. Phương pháp chính là “Tín, Nguyện, Trì Danh”, vả lại còn nói: “**Tín, Nguyện, Trì Danh vi nhất kinh**”, chính là yếu chỉ của bộ kinh này.

Tông chỉ quan trọng là “**Tín, nguyện vi huệ hạnh**”, trì danh vi hạnh hạnh, “Tín, nguyện” là trí huệ chân thật. Không có “Tín, nguyện”, thì việc trì danh làm không được. Không trì danh cầu vãng sanh thì công đức “Tín, nguyện” này bị lãng phí rồi, bị luống uổng rồi. Cho nên đại sư nói: “***Đắc sanh dữ phủ***”có nghĩa là có thể vãng sanh hay không toàn do “Tín, nguyện” có hay không, câu nói này thật quan trọng. Phẩm vị cao thấp, toàn do trì danh sâu hay cạn, không phải nói là bạn niệm được bao nhiêu, mà là nói công phu của bạn sâu hay cạn. Công phu sâu cạn là do nơi tâm của bạn“Thanh Tịnh, Bình Đẳng”, Giác đây có thể nói đem cái “Tâm” của chúng tasự sâu cạn của việc dụng tâm chia ra thành ba đẳng cấp. Thấp nhất là tâm thanh tịnh, được tâm thanh tịnh thì có thể vãng sanh. Công phu còn cạn là thanh tịnh, thanh tịnh là cái gì? Là trong tâm không có tạp niệm, không có vọng tưởng, không có chấp trước, thật sự buông xả. Thật sự biết được cái thế gian này và Lục đạo luân hồi. Là quá khổ rồi. Biết khổ rồi! Đọc được kinh điển Tịnh Độ, đây là do Thế Tôn từ bi vô tận, vì chúng ta giới thiệu Thế Giới Cực Lạc, nhất định không có nói dối, dứt khoát không có lừa gạt chúng ta.

Chúng ta đối với Phật Thích Ca Mâu Ni có lòng tin, Ngài không gạt ta. Đọc được Bổn kinh giống như là Phật Thích Ca Mâu Ni. Đang ở trước mặt chúng ta, đối diện mà đem sự việc này giới thiệu cho chúng ta. Chúng ta cảm ân Ngài, y giáo tu hành, y giáo tu hành là chúng ta thật sự tin tưởng, ta thật sự bằng lòng đi. Ta thật muốn rời khỏi Lục đạo luân hồi. Đến Cực Lạc Thế Giới làm cái gì? Thành tựu trí huệ, thành tựu đức năng, thành tựu thần thông. Thành tựu để làm gì? Vì sau khi thành tựu, ta sẽ có năng lực giống y như A Di Đà Phật, đến mười phương chư Phật sát độ, vào trong Lục đạo để độ chúng sanh. Muốn dùng thân gì để độ, liền có năng lực hiện thân đó. Tám mươi bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều có nội dung giống nhau. Nhưng mà đi theo những pháp môn đó thì khó, mà con đường thì rất dài, không biết đến lúc nào mới có thể thành tựu được.

Chúng ta niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, có thể nói chúng ta nhìn thấy được, có thể nhìn thấy được mục tiêu, rất là ngắn. Nếu công phu chân thật đắc lực thì ba năm liền thành công rồi. Nếu sau ba năm mà vẫn còn thọ mạng thì thọ mạng có thể không cần nữa, thật sự có thể ra đi! Trong “Tịnh Độ Thánh hiền Lục” có ghi chép lại. Trong “Vãng sanh Truyện” cũng có ghi chép lại, bao gồm một số đồng tu trước mắt chúng tacó thể nhìn thấy được, quả thực là có những vị đồng tu thọ mạng chưa hết nhưng họ không cần nữa. Một khi thấy Phật, họ liền vãng sanh, họ liền nắm chặt cái cơ hội này, cái cơ hội này thật không phải dễ dàng. Nhìn thấy A Di Đà Phật, có thể không cầu vãng sanh sao? Giống như Oánh Kha vậy, Phật nói với ông ấy:

- “*Con vẫn còn mười năm dương thọ, mười năm sau**lúc con mạng chung, ta sẽ đến đón con*”.

Ngài Oánh Kha nói với A Di Đà Phật:

- “*Mười năm dương thọ, con không cần nữa, bây giờ đi ngay với Ngài*”.

Phật liền đồng ý với ông ấy:

- “*Được, ba ngày sau, ta đến đón con*”.

Tại vì sao ngay lúc đó không mang ông ấy đi? Lúc đó mà mang ông ấy đi được lợi ích chỉ có một mình ông ấy, ba ngày sau thì những người được lợi ích sẽ có hàng ngàn hàng vạn người. Tại vì sao? Vì để ông ấy biểu pháp cho người ta nhìn thấy. Cho nên Phật để ba ngày cho ông ấy tích lũy công đức, để ông ấy làm gương cho mọi người xem.

Người khác một khi nhìn thấy thì sẽ tin tưởng, ngay cả ông ấy niệm ba ngày ba đêm cũng được vãng sanh, huống hồ chúng ta. Tại vì sao? Vì Oánh Kha là pháp sư phá giới, là pháp sư tạo tác ác nghiệp, nhưng ông ấy có trí huệ, ông thông minh. Nếu như ông ấy sống thêm mười năm, mười năm thì không biết tạo thêm biết bao nhiêu tội nghiệp. Nói không chừng còn không được vãng sanh. Cái cơ hội này rất là hiếm có. Ông ấy ba ngày ba đêm làm thế nào mà niệm được Phật A Di Đà đến? Chính là trên kinh Vô Lượng Thọ có giảng đến “**Phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm**”. Cũng chính là những gì mà Ngẫu Ích đại sư nói: “**Chân tín thiết nguyện, nhất tâm chuyên niệm**”, nếu không phải là cái nguyện vọng, chân tâm tha thiết thì sẽ không thể cảm động được. Tâm chân thành mới có thể cảm động người, chắc chắn không phải là giả.

Vào năm trước, năm 2012. Trong nước, cư sĩ Lưu Tố Thanh phát tâm biểu pháp cho chúng ta, làm gương cho chúng ta xem, làm ra tấm gương gì? Là tự tại vui vẻ vãng sanh, bà ấy vào lúc đó có bệnh. Những năm cuối đời sức khỏe không được tốt, nhưng vào ngày vãng sanh bà ấy không có một chút đau đớn gì, còn nói còn cười. Mọi người đang trò chuyện cùng nhau, bà nói với mọi người:

- “*Thời gian đến rồi, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi*”.

Người khác nhìn không thấy, còn bà thì nhìn thấy. Bà nói:

“*Tôi đi đây*”.

Liền thật đi rồi, giống như mẫu thân của Hải Hiền lão Hòa thượng, mẫu thân của Hải Hiền lão Hòa thượng không có đau bệnh. Trước khi ra đi còn tự mình xuống bếp gói sủi cảo, triệu tập tất cả người nhà đến cùng ăn bữa cơm đoàn viên. Sau khi ăn xong, bà ngồi xếp bằng ngay ngắn trên ghế, nói: “*Ta đi đây*”, là đi thật, thảnh thơi biết bao.

Cư sĩ Lưu Tố Thanh kỳ thực sức khỏe không tốt, bà bị bệnh. Nhưng cái ngày bà ấy ra đi, một chút cũng không giống người bị bệnh, hoan hoan hỷ hỷ, còn nói còn cười. Thời gian vừa đến, nói với mọi người: “*Tôi đi đây!*”, liền thật ra đi. Đây là hiện thân thuyết pháp cho chúng ta. Cư sĩ Lưu Tố Thanh bà ấy vẫn còn thọ mạng mười năm, nhưng bà không cần nữa, bà vì chúng ta mà biểu diễn làm chứng cho chúng ta, trong Tam chuyển Pháp luân làm chứng chuyển, cái duyên khởi này là em gái của bà ấy, cô Lưu Tố Vân. Cư sĩ Lưu Tố Vân rất cảm khái mà nói với bà:

- “*Những năm qua chúng ta tu pháp môn niệm Phật, cũng đã nói rất là nhiều. Lãnh chúng cùng với mọi người, cùng nhau niệm Phật cũng không phải là số ít. Chính là không có người làm ra tấm gương cho mọi người xem thấy, nếu như có người làm ra tấm gương cho mọi người xem, người ta xem thấy thì không thể không tin*”.

Bà ấy nghe thấy thì lập tức đồng ý:

- “*Để tôi làm*”.

Bà liền đảm nhận, duyên khởi là như vậy, thật sự đã làm được. Quá trình vãng sanh toàn bộ được ghi hình lại, có gửi đến cho tôi xem. Ngày thứ tám, trước lúc vãng sanh, em gái của bà-cư sĩ Lưu Tố Vân nghe thấy một âm thanh. Âm thanh đó là một dãy các con số 2-0-1-2-1-1-2-1-1-2, là một dãy số như vậy. Cô ấy ghi chép nó lại, cũng không biết là có ý nghĩa gì. Cô đem nó đến cho chị cô, chị cô nhìn qua một chút thì cười và đem cất nó. Chính là ngày giờ bà ấy vãng sanh 2-0-1-2 là năm, 1-1 là tháng 11, sau cùng là 12 giờ, ngày 21, 12 giờ. Thời gian vừa tới, thật vô cùng chuẩn xác, không kém một giây. Bà ấy nhìn thấy Phật A Di Đà đến đón bà. Bà ấy liền đi, người khác nhìn không thấy, không có thấy Phật nhưng bà ấy nói:

- “*Tôi lên đài sen đây*”.

Ngồi tòa sen, cái động tác đó bạn có thể nhìn thấy được. Bà leo lên đài sen, ngồi ở trong đó. Tuy là bà ở trên giường những động tác đó là dáng vẻ bà leo lên tòa sen thì mọi người nhìn thấy. Đây không phải là giả, là người thật việc thật. Cho nên chúng ta phải thật tin tưởng, nhất định không được hoài nghi, những người này thật sự là từ bi vô cùng, làm ra tấm gương cho chúng ta. Bà ấy là ngày 21 tháng 11, buổi sáng, chuông 12 giờ thì đi. Cho nên đây là sự thật chúng ta có lòng tin, tâm nguyện kiên định. Không muốn ở lại thế gian này thêm một ngày, phải có cái “Tâm” nguyện như vậy, phải vô cùng tha thiết. Phẩm vị cao hay thấp, toàn do trì danh sâu hay cạn. Cái “Sâu” này chính là “Thâm tâm”, tâm thanh tịnh là cạn nhất. Tâm bình đẳng thì cao hơn một bậc, giác tâm là cao nhất. Giác là cái gì? Giác là giác ngộ. Thanh tịnh, bình đẳng là định, tâm thanh tịnh, thì trong Đại Thừa giáo thường nói. Là sở chứng đắc của A La Hán, Bích Chi Phật kiến tư phiền não đã đoạn hết, cũng tức là nói đối đãi với tất cả người, sự, vật, v.v... Trên thế gian không còn chấp trước nữa, có thể làm được đến tùy duyên. Nhìn thấy cái gì cũng đều tốt, đây là A La Hán, Bích Chi Phật. Các ngài tuyệt đối không bị Thất tình Ngũ dục làm ô nhiễm, đây là thanh tịnh. Tâm bình đẳng thì càng cao hơn, không những không bị ô nhiễm, mà phân biệt cũng đều không có, ở trong tất cả các pháp không còn phân biệt, không còn chấp trước nhưng họ vẫn còn khởi tâm động niệm, đây là Thiền Định của Đại Thừa Bồ Tát. Đến Pháp Thân Bồ Tát thì ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có. Cái “Tâm” này là sâu nhất, là Pháp Thân Bồ Tát, đó chính là “Giác” mà trên tựa đề của kinh nói. Giác chính là “Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh”, những người như vậy niệm Phật sẽ vãng sanh thì sanh, vào “Thật Báo Trang Nghiêm Độ”. Không phân biệt, không chấp trước thì sanh vào “Phương Tiện Hữu Dư độ”. Tâm thanh tịnh thì sanh vào “Phàm Thánh Đồng Cư Độ”. Ở nơi này cũng có Tam bối Cửu phẩm. Thượng phẩm của tâm thanh tịnh có thể sanh đến “Phương Tiện Hữu Dư độ”.

Tâm thanh tịnh là công phu thành khối. Là “Sự nhất tâm bất loạn”; tâm bình đẳng là “Lý nhất tâm bất loạn”. Cái vấn đề này, cách tu như thế nào? Chính là phải buông xả, cái khó buông xả nhất là tình thân và ân tình. Cái khó buông xả nhấtlà công danh lợi lộc, Thất tình Ngũ dục. Cho nên trên kinh điển vẫn luôn dạy chúng ta chư pháp thực tướng, chân tướng của tất cả các pháp này phải hiểu rõchân tướng là gì? Chân tướng là tất cả các hiện tượng đều là tướng hư vọng, toàn bộ đều là một giấc mơ. Sau khi tỉnh dậy, thì vết tích cũng tìm không thấy.

Trong kinh Kim Cang của Phật giáo Trung Quốc. Bất luận là người có học Phật hay không thì đều có đọc qua. Không có người nào chưa đọc qua “Kim Cang kinh”, tại vì sao? Vì kinh Kim Cang đơn giản dễ hiểu, chỉ có hơn năm ngàn chữ. Toàn bộ là dạy chúng ta về nhận thức chân tướng của vũ trụ vạn vật “**Phàm sở hữu tướng**, **giai thị hư vọng**”; “**Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh**”, hữu vi pháp chính là pháp sanh diệt. Động vật thì có sanh-lão-bệnh-tử; thực vật có sanh-trụ-dị-diệt; khoáng vật có thành-trụ-hoại-không, tìm không thấy một thứ gì mà không sanh không diệt, tìm không ra. Tất cả những pháp sanh diệt này đều là giả. Như mộng, như huyễn, như bào, như ảnh. Thật sự biết được rồi, thì không thể mang. Tất cả vạn pháp đặt vào trong tâm, vậy mới là đúng. Tác dụng của kinh Kim Cang chính là ở chỗ này, đừng đem những thứ đó đặt vào trong tâm, vì chúng là giả, vậy thì đặt cái gì vào trong tâm? Đem A Di Đà Phật đặt vào trong tâm, A Di Đà Phật là Thế Giới Cực Lạc, Thế Giới Cực Lạc là không sanh không diệt, nó là vĩnh hằng Thường trụ, nó không có sanh diệt. Không sanh không diệt là thật, có sanh có diệt thì là giả.

Hãy nhớ lấy cái nguyên tắc này: “***Phàm là có sanh có diệt thì đừng đặt vào trong tâm***”. Ân ái của thế gian có sanh có diệt, oán hận của thế gian cũng có sanh có diệt, tất cả đều không cần đặt vào trong tâm. Những thứ này có biến hóa, yêu có thể biến thành hận, oán hận lại có thể biến thành yêu, phản phúc vô thường. Nó không phải thật, là giả, nên đừng cho là thật. Dạy cho chúng ta nhìn thấu, buông xả, chúng ta cần phải thực thi nó vào trong cuộc sống, thực thi nó vào trong công việc, thực thi nó vào việc đối nhân xử thế hàng ngày.

Tất cả pháp thế gian, pháp của thế tục đều không chướng ngại việc tu hành. Phía trước chúng ta có học qua “**Vô trụ sanh tâm**”, sanh tâm chính là sanh khởi Bồ Đề Tâm. Bồ Đề Tâm là cái gì? Trong Đại Thừa giáo thường nói: “**Tâm chân thành là bản thể của Bồ Đề Tâm**”, tâm chân thành chính là chân tâm, đây không phải vọng tâm. Chân tâm năng sanh, năng hiện ra vạn pháp. Thâm tâm cùng với tâm từ bi là tác dụng của chân tâmnó khởi tác dụng. Khởi tác dụng thì có hai tác dụng: Một cái là đối với bản thân, một cái là đối với người khác. Đối với bản thân thì gọi là “Thâm tâm”. Đối với người khác gọi là “Tâm từ bi”, dùng “Từ bi”để đối người, dùng “Thâm tâm” để khắc kỷ giữ mình.

Thâm tâm là cái gì? Tôi mấy chục năm nay giảng về Bồ Đề Tâm, thâm tâm thì tôi dùng đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ, là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. Cần phải dùng cái “Tâm” này để đối đãi với bản thânthanh tịnh thì không bị ô nhiễm. Tâm bình đẳng thì không bị dao động; người khác vu oan bạn, người khác phỉ báng bạn, bạn nghe rồi thì có giận hay không? Nếu như một khi tức giận, bạn đã bị họ làm dao động, vậy là bạn đã sai. Phải làm như thế nào? Sau khi nghe rồi thì cười cười, coi như không việc gì, sau khi nghe xong phải ngẫm nghĩ một chút. Họ phỉ báng ta, ta có hay khôngcó thì sửa đổi, không có thì khen ngợi động viên. Ta từng có cái lỗi này, họ nói ra là nhắc nhở cho tata phải sửa đổi lại từ đầu. Còn ta không có, thì là do họ hiểu lầm, cười cười chứ tuyệt không để trong tâm, để ở trong tâm liền bị dao động, liền bị lung lay rồi. Huệ Năng đại sư nói rất hay: “**Nào ngờ tự tánh vốn không dao động**”, Bồ Đề Tâm là không động, đây chính là sâu, là độ sâu, sâu hơn nữa, sâu hơn nữa thì bổn tâm sẽ hiện tiền, chân tâm hiện tiền rồi. Chân tâm là giác mà không mê, đó chính là tự thọ dụng của Pháp Thân Bồ Tát. Bình đẳng là thọ dụng của Tam Thừa Bồ Tát, tâm thanh tịnh là thọ dụng của A La Hánvà của Bích Chi Phật, là tự thọ dụng. Cái này thì vui vẻ biết bao, đối đãi với mọi người là một lòng từ bi, từ bi chính là lòng yêu thương, Phật không gọi là yêu.

Phật Pháp không nói yêu, mà nói từ bi, vì sao? Yêu dễ làm cho người ta hiểu lầm, trong yêu có tình, có tình thì sẽ hỏng; có tình không phải là yêu thật mà là yêu giả. Từ bi là lấy lý trí làm nền tảng nó là yêu thật, nó không phải là yêu giả, yêu thật là vĩnh hằng không thay đổi. Tình yêu giả thì phản phúc vô thường, đây là ý nghĩa của Bồ Đề Tâm được giảng trong kinh Đại Thừa. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải hiểu thấu đáo. Để còn ứng dụng nó trong cuộc sống thường nhật để không bị cảnh giới bên ngoài làm lay chuyển, mà còn có thể chuyển được cảnh giới bên ngoài. Giúp đỡ tất cả chúng sanh chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh. Cho nên tu học Phật Pháp, cái đầu tiên chính là dạy bạn phát Bồ Đề Tâm.

Trong Tịnh Tông, việc phát Bồ Đề Tâm đặc biệt nghiêm khắc, tại vì sao? Thật vì sanh tử mà không vì cái gì khác. Người ở thế gian việc trọng đại nhất chính là sanh tử, những cái khác trong Lục đạo, năm đạo kia việc liễu sinh tử xuất Tam giới đều không dễ dàng, chỉ có Nhân đạo. Tại sao? Nhân đạo khổ nhiều vui ít, dễ dàng giác ngộ. Thiên nhân thì vui nhiều khổ ít, họ không có cảm thấy mình khổ, họ không dễ giác ngộ. Ác đạo thì khổ nhiều vui ít, cũng không dễ dàng giác ngộ. Chỉ có Nhân đạo nửa vui nửa khổ. Cho nên Bồ Tát thành Phật nhất định là phải ở Nhân đạo. Trong Thiên đạo, chư Phật, Bồ Tát không dùng thân Phật để đi độ họ, mà dùng thân Bồ Tát, thân Thanh Văn, chính là A La Hán, Bồ Tát. Duy chỉ có ở cõi Người mới có thể thấy Phật. Súc sanh đạo cũng như vậy, Phật, Bồ Tát trong Súc sanh đạo mà hiện thân, là hiện thân đồng loại. Cho nên Súc sanh cũng không gặp được Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát từ bi vĩnh viễn không xa lìa chúng sanh khổ nạn, ân đức của Phật, Bồ Tát hơn cả cha mẹ. Ân đức của cha mẹ đối với con cái chỉ có một kiếp, còn Phật, Bồ Tát là đời đời kiếp kiếp. Chúng ta không giác ngộ, chúng ta không thành Phật, các ngài đều không bỏ rơi chúng ta, bất luận là đang trong nẻo nào, đều luôn bên cạnh chúng ta.

Cái gọi là “**Phật thị môn trung, không bỏ rơi một ai**”, lời này là thật, không phải là giả. Cho nên chúng ta cần thấu hiểu. Thấu hiểu rồi thì sẽ sinh ra cái “Tâm” cảm ân thì sẽ dũng mãnh tinh tấn. Tại vì sao? Vì ta không nghiêm túc học tập, ta sẽ có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với cha mẹ, có lỗi với lão sư. Ta thành tựu rồi, thì cả gia đình, ngay cả liệt tổ liệt tông đều được thơm lây, vì sao? Vì bạn vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc. Tổ tông trong gia đình bạn đang ở đâu, bạn vừa nhìn là thấy được ngay. Họ hiện tại đang ở kiếp nào, bạn liền sẽ có được cái duyên đi giúp đỡ họ, đi dẫn dắt họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, bản thân không thể vãng sanh. Người thân, họ hàng ở đâu nhìn không thấy được. Người hiện nay đều học theo phương Tây, trong giá trị quan của phương Tây, không có hiếu đạo, cũng không có sư đạo. Người Tây Phương, cha con lúc nhỏ thì là cha con, sau khi lớn lên thì thành bạn bè, tình cha con không còn nữa. Lúc nhỏ có thầy cô, khi lớn lên thầy cô cũng là bạn bè, trong Ngũ luân thì họ chỉ có một luân. Trong giá trị quan, thì chỉ nói đến lợi hại. Có lợi là bạn bè, đụng chạm đến lợi ích thì là kẻ thù. Cho nên cái xã hội như thế chúng tôi sống không quen, tôi sống ở nước ngoài đã nhiều năm. Bởi vì học Phật, người nước ngoài tôn trọng tôn giáo, nhưng sự tôn trọng tôn giáo mỗi năm càng nhạt nhẽo đi. Lúc tôi bốn, năm chục tuổi, thông thường người ngoại quốc cũng khá xem trọng tôn giáo. Đến lúc tôi bảy, tám chục tuổi, sự tín ngưỡng tôn giáo của người ngoại quốc càng ngày càng ít đi, giám mục Bổn Đốc 16 của Vatican nói với tôi rằng, Thiên Chúa giáo của họ có thống kê qua. Nói với tôi:

- “*Người tín ngưỡng tôn giáo trên toàn Thế giới, số người mỗi một năm giảm thiểu đi*”, ông ấy cũng rất lo lắng.

Nếu qua thêm 100 năm nữa, thì trên cái thế giới này có còn tôn giáo nữa hay không? Vậy thì trở thành vấn đề rồi. Tôi ở nước Mỹ, thường hay nhìn thấy giáo đường, trước cổng có treo bảng “cần bán”. Tôi liền hỏi họ:

- “*Giáo đường vì sao lại cần bán?*”.

- “*Vì không có tín đồ đến*”.

Văn hóa truyền thống Trung Quốc đã lạc hậu rồi, giáo dục tôn giáo ở nước ngoài cũng đã lạc hậu, đây là nguyên nhân gốc rễ của sự động loạn trên thế giới. Nếu các vị xem qua tấm hình về kết tinh của thí nghiệm nước, có người đem mỗi một tôn giáo đem danh tự, tên gọi, kinh điển của họ để cho nước xem. Đọc kinh điển cho nước nghe, cái đẹp của sự kết tinh của nước khiến cho người nhìn thấy rồi sẽ sanh tâm kính sợ, mới phát hiện mỗi tôn giáo đều tốt đều đẹp. Nếu như là mê tín thì sự kết tinh cửa nước nhất định sẽ rất xấu. Nước biết xem chữ, bản thân chúng tôi có đến làm thí nghiệm “Thành tín” và “mê tín” để cho nước xem, xem xem phản ứng kết tinh của nó như thế nào? Có thể viết ra hai câu: “***Tôn giáo là mê tín***”; xem phản ứng kết tinh của nước, “***Tôn giáo là chánh tín***”. So sánh hai cái này thử xem, quả thực làm cho chúng ta phải nghiêm túc để phản tỉnh. Giáo dục tôn giáo là thứ không thể thiếu của nhân loại. Nội dung giáo dục tôn giáo là cái gì? Là luân lý, là đạo đức, là nhân-quả. Ba cái loại này là giáo dục chủ yếu của nhân loại, con người mới có thể sống có tôn nghiêm, sống có ý nghĩa, có giá trị. Không thể xa rời ba sự việc này.

Chúng ta xem tiếp phần văn tự bên dưới: “**Cố huệ hạnh vi tiền đạo**, **hạnh hạnh vi chánh tu**. **Như mục túc tịnh vận dã huệ hạnh là nhìn thấu**, **hạnh hạnh là buông xả**”, bạn nhìn thấy rất rõ ràng. Những thứ chân thật thì chúng ta cần phải đạt được, những thứ là giả thì chúng ta cần buông bỏ, đây là huệ hạnh. “**Hựu thâm tín phát nguyện**, **tức Vô Thượng Bồ Đề**. **Hợp thử tín, nguyện**, **đích vi Tịnh Độ chỉ nam**. **Do thử nhi chấp trì danh hiệu**, **nãi vi chánh hạnh**”. Đại bổn A Di Đà kinh, trong cái dấu ngoặc này nói, tức là chỉ kinh Vô Lượng Thọ. “**Diệc dĩ phát Bồ Đề nguyện vi yếu**, **chánh dữ thử đồng**”, cái đoạn này là những gì mà Ngẫu Ích đại sư giảng trong “Yếu Giải Di Đà”, nói một chút cũng không sai. Ngẫu Ích đại sư, vào những năm cuối đời là chuyên tu Tịnh Độ, vãng sanh Cực Lạc Thế Giới. Những năm cuối đời, người tự đặt cho mình một ngoại hiệu gọi là “Tây hữu đạo nhân”. Tây là Tây Phương, hữu là thừa nhận Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là có thật, Phật A Di Đà cũng có thật. Cái danh hiệu này chính là nói, Ngài thành tín đối với Thế Giới Tây Phương, gọi là “Tây hữu đạo nhân”. Ngài khuyên người niệm Phật: “**Khả kiến Tín**, **Nguyện**, **Trì Danh**, **dữ phát Bồ Đề Tâm**, **nhất hướng chuyên niệm**”, “Chính thị đồng chỉ” là đồng một Tông chỉ. Ngẫu Ích đại sư dĩ “Tín, Nguyện, Trì Danh” bốn chữ này.

“**Vi Tiểu bổn chi tông Tiểu bổn**”, tức là kinh A Di Đà, “**Đại tiểu lưỡng bổn, Tông chỉ ứng đồng**”, kinh Vô Lượng Thọ là Đại bổn; kinh A Di Đà là Tiểu bổn. Tông chỉ của Đại bổn, Tiểu bổn là hoàn toàn tương đồng, cố kim viết: Phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm. “**Vi Đại bổn chi tông**” là Tông chỉ tu học của kinh Vô Lượng Thọ. “**Chánh thị tuân phụng Ngẫu Ích đại sư chi thùy giáo dã**”, kỳ thực Tông chỉ của Bổn kinh, tổ sư có rất nhiều cách nói, nhưng của Ngẫu Ích đại sư là đơn giản nhất, trọng yếu nhất, thẳng tắt nhất, đơn giản chỉ có bốn chữ: “Tín, Nguyện, Trì Danh”. Chúng ta lấy Tông chỉ này ra mà xem lão Hòa thượng Hải Hiền, Ngài vì chúng ta mà làm biểu pháp 92 năm, một câu Phật hiệu. Chân thật là “Tín, Nguyện, Trì Danh”. Những năm cuối đời có được thành tựu viên mãn đến vậy là do 92 năm niệm Phật mà có được. Ngài không biết chữ, không có đi học qua, Ngài đến Cực Lạc Thế Giới làm Phật rồi, không có người nào có thể so sánh được với Ngài.

Chúng ta xem tiếp đoạn sau cùng, Quán Kinh vân: “**Nhược hữu chúng sanh**, **nguyện sanh bỉ quốc**; **phát Tam chủng tâm**, **tức tiện vãng sanh**”. Ba loại tâm này là“*Tâm chí thành*, *thâm tâm*, *hồi hướng phát nguyện tâm*”. “**Cụ Tam tâm giả**, **tất sanh bỉ quốc**”, ba cái “Tâm” này, chúng ta xem thì sẽ hiểu, ba cái “Tâm” này chính là Bồ Đề Tâm. Chúng ta xem Chú Giải của Niệm lão: “**Hựu Quán Kinh vân**: **dục sanh bỉ quốc giả**, **đương tu Tam phước**”. Đây là Tịnh nghiệp Tam phước mà mọi người đều rất quen thuộc, điều thứ ba trong Tam phước làTam giả: “***Phát Bồ Đề Tâm***, ***thâm tín nhân-quả***, ***đọc tụng Đại Thừa***, ***khuyến tấn hành giả***”. Cái câu sau cùng của điều này là hoằng pháp lợi sanh, mười câu phía trước toàn là tự lợi.

Bạn xem điều đầu tiên: “***Hiếu dưỡng cha mẹ***, ***phụng sự sư trưởng***, ***từ tâm bất sát***, ***tu Thập Thiện Nghiệp***”, là vì bản thân. Câu thứ ba điều thứ hai: “***Thọ trì Tam quy***, ***Cụ túc chúng giới***, ***bất phạm oai nghi***”, vẫn là vì bản thân. Ở trong điều thứ ba: “***Phát Bồ Đề Tâm***, ***thâm tín nhân-quả***, ***đọc tụng Đại Thừa***”, là vì bản thân, là thành tựu cho bản thân. Sau cùng là khuyến tấn hành giả. Hành giả là những người tu học pháp môn này, cần đi giúp đỡ họ, cần khuyên nhủ họ dũng mãnh tinh tấn, giúp đỡ họ nâng cao lên. Cho nên trong điều thứ nhất thì việc đầu tiên là phát Bồ Đề Tâm. Sau khi phát Bồ Đề Tâm thì cần tin sâu nhân-quả, tin sâu nhân-quả câu nói này. Tôi ở Đài Trung cùng với lão sư Lý. Lúc học tập, đã ở Đài Trung hết mười năm. Lúc đó, đối với câu nói này tôi suy nghĩ hết mấy tuần mà cũng không hiểu tại vì sao? Điều thứ nhất của Tam phước là Nhân Thiên; điều thứ hai là Tiểu Thừa; điều thứ ba là Đại Thừa Bồ Tát. Chẳng lẽ Bồ Tát không tin tưởng vào nhân-quả sao? Cho nên tin sâu nhân-quả đặt ở điều đầu tiên. Tôi thì không có vấn đề, chúng ta thường hay giảng giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân-quả là nền tảng của giáo dục. Vào lúc nào thì học? Phải học từ lúc nhỏ, là giáo dục gốc rễ, ba cái gốc này là: Nho là cái gốc của luân lý; Đạo là cái gốc của nhân-quả; Phật giáo là cái gốc của Đại Thừa, thì làm sao mà Bồ Tát lại không biết nhân-quả chứ? Cái nghi vấn của tôi là ở chỗ này. Về sau, do từ trong kinh Đại Thừa thì mới hiểu ra, cái nhân-quả này không phải là nhân-quả bình thường. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, có rất nhiều Bồ Tát không biết điều này, thật sự là có rất nhiều.

Nếu như biết được niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Thì mọi người đều rất dễ dàng thành Phật, rất nhanh chóng là thành tựu rồi. Làm gì mà cần đến ba a tăng kỳ kiếp? Làm gì mà cần đến vô lượng kiếp. Cho nên tôi mới ngộ ra cái nhân-quả này là chuyên nói về niệm Phật, không phải nhân-quả bình thường, vậy phải đặt ở đâu mới hữu dụng? Phát Bồ Đề Tâm rồi. Phát Tam Thừa Bồ Tát rồi nhưng họ không tin tưởng cái nhân-quả này, đây là pháp khó tin. Không tin vào pháp môn Tịnh Độ, dù cho kinh điển của Tịnh Độ họ đã học qua nhưng họ cũng vẫn sẽ có rất nhiều dấu chấm hỏi. Làm gì có chuyện dễ dàng đến như vậy?

Khởi lên cái quan niệm gì? Là quan niệm sai lầm, đây là những lời an ủi của Phật đối với những người có có căn cơ hạn hẹp thông thường, không phải là thật, đây chính là hoài nghi vậy là họ đã bỏ qua cơ hội cho nên phải tin sâu nhân-quả. Đọc tụng Đại Thừa, thì chúng ta bây giờ đã hiểu. Không phải là đọc toàn bộ kinh điển Đại Thừa, vậy thì sai rồi. Học rộng biết nhiều, thì trong lịch sử có được mấy người thành tựu chứ? Thật sự là lợi căn, không phải là người phàm cái gọi là “***Một* *liếc mười hàng***”học rộng nhớ dai, là thiểu số, là thiên tài.

Thế nhưng Phật nói với chúng ta: “**Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh; tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật**”. Chúng ta đáng lý ra là bình đẳng, vì sao thiên phú của chúng ta lại không bình đẳng? Nguyên nhân của điều này phải nói đến là căn khítrong Phật Pháp, nóithiện căn, phúc đức không giống nhau. Thiện căn là do trong kiếp quá khứ vun bồi, những người có tài năng đặc biệtlà do trong kiếp quá khứ họ đã học qua, đã học qua rất nhiều, đời đời kiếp kiếp đều đang học. Có nhiều chủng tử trong A lại da thứckiếp này lại được gặp lại, cho nên nó tự nhiên sẽ phát huy ra. Còn trong đời quá khứ không có học qua, kiếp này gặp phải thì cảm thấy rất là xa lạthì họ học sẽ rất khó khăn, khó khăn thì sẽ không có hứng thú, tự nhiên sẽ bị thối chuyển. Chúng ta cần hiểu rõ cái đạo lý này, sự giáo hóa của Phật Đà Ngài có trí huệ của Ngài, có lý niệm và phương pháp đặc biệt của Ngài. Đây là chánh giáo dạy bảo chúng ta nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu thì trong kiếp này sẽ được thành tựu. Tiêu chuẩn của thành tựu là “Minh tâm kiến tánh”, đây mới xem như là thành tựu.

“Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh”, Thiền Tông gọi là “Minh tâm kiến tánh”, Giáo Hạ gọi là “Đại khai viên giải”, cũng chính là Đại triệt đại ngộ. Tịnh Độ tông thì gọi là Lý nhất tâm bất loạn, cũng là Đại triệt đại ngộ. Mỗi một tông phái danh tự, danh xưng không giống nhau, nhưng cảnh giới thì hoàn toàn tương đồng, đều hy vọng trong một đời có thể đạt được cảnh giới này. Cảnh giới này tương đương với bậc tiến sĩ trong học thuật của chúng ta. Bạn lấy được học vị tiến sĩ mới tính là thành tựu những chúng sanh bình thường trong Phật giáo. Trong một đời có thể lấy được hay không? Có thể lấy được, đạo Phật dạy cho bạn phương pháp. Bạn thật tin tưởng, bạn không hoài nghi, bạn thật y theo mà làm, bạn nhất định sẽ lấy được. Đó chính là nhất môn thâm nhập, bạn học một bộ kinh điển chính là nhất môn thâm nhập. Học bao lâu? Là một đời một đời chỉ học một bộ kinh điển này những thứ khác tất cả đừng học, tại vì sao? Một đời chỉ học một môn thì tâm niệm của bạn sẽ giống như vậy, tức là chỉ có một sự việc nên sẽ dễ dàng đắc định, hay nói cách khác là dùng phương pháp đọc kinh để tu Thiền Định.

Cái gì gọi là Thiền Định? Là trong tâm Thanh Tịnh Không có tạp niệm, không có vọng tưởng, đây chính là Thiền Định. Có tạp niệm, có vọng tưởng thì là tâm của Lục đạo phàm phu. Tâm thanh tịnh là chân tâm, là tâm Phật, tâm bình đẳng là tâm Phật. Phật là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. Tâm của mỗi một người đều là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. Chính vì bạn có vọng tưởng, tạp niệm phá vỡ nó đi thì nó sẽ không khởi tác dụng. Mang theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây gọi là vọng tâm. Chấp trước là ô nhiễm, ô nhiễm thì sẽ không giác. Phân biệt chính là chấn động sóng. Sóng to gió lớn, trồi sụt không yên, cho nên đức dụng của chân tâm mất đi rồi. Phật Pháp không có gì khác, chính là giúp đỡ bạn khôi phục chân tâm. Dùng phương pháp gì? Dùng giới, định, tuệ dạy cho bạn nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, đây là giới luật mà bạn cần phải tuân thủ. Dạy cho bạn: “*Đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu*”, đây cũng là giới luật, nhân giới đắc định, bạn có thể giữ được cái quy củ này một đời cũng sẽ không thay đổi, mỗi ngày đều làm thì lâu dần sẽ đắc định. Định là như thế nào? Là vọng niệm không còn, tạp niệm không còn vọng tưởng không còn, thì đây chính là đắc định.

Định có cạn sâu, cái định cạn là mới vừa chế phục được, tâm không còn khởi vọng niệm. Bạn xem chúng ta đọc kinh niệm Phật, trong tâm vọng niệm không còn nữa. Không đọc kinh, không niệm Phật thì lại có đây là công phu cạn, công phu cần phải luyện tập cho sâu hơn, một ngàn lần không đủ thì hai ngàn lần, hai ngàn lần không đủ thì ba ngàn lần. Nhất định phải đọc đến khi dù ta không đọc mà tâm vẫn là thanh tịnh, cũng không có tạp niệm, cũng không có vọng tưởng. Dù không tụng kinh vẫn là như vậy đây chính là cái gì? Đây chính là đắc định sau khi đã đắc định tốt rồi, thì đọc kinh cũng không nên bỏ. Hãy vẫn cứ như trước kia, ngày ngày đều đọc, tại vì sao? Là cầu tự kiến, tự kiến chính là Đại triệt đại ngộ trước kia chỉ lo đọc, đọc được rất thuộc, lý lẽ bên trong không hiểu đột nhiên khai ngộ rồi, thì toàn bộ sẽ hiểu hết. Đây chính là khai ngộ, khai ngộ thì sẽ tự nhiên hiểu hết. Không những bạn học hiễu rõ một bộ kinh này những thứ bạn chưa từng học cũng sẽ hiểu rõ hết, đây chính là giáo dục chân chính.

Chúng ta xem “Đàn Kinh” trong đó có ghi chép lại. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Hòa thượng, Ngài có thể biết được Huệ Năng đại sư. Ngài Huệ Năng vào lúc đó là một thiếu niên trẻ tuổi, mới hai mươi bốn tuổi trong nhà giã gạo, chẻ củi và giã gạo hết tám tháng. Vậy tám tháng đó là gì? Là tu thiền, Ngài tu Thiền Định. Ngài dùng phương pháp gì? Dùng chẻ củi, giã gạo. Ngài một ngày đều làm đến tối, làm không có nghỉ ngơi, Ngài là đang tu Thiền Định. Tu cái gì? Tu không phân biệt, tu không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm cái mà Ngài tu là đại định viên mãn, chính là không khởi tâm, không động niệm. Không phân biệt, không chấp trước đại khái là gần hết tám tháng. Ngũ Tổ cũng đến khảo nghiệm Ngài, cho nên ra một đề mục, kêu mọi người làm một bài kệ cho Ngài xem. Xem coi có phải đã khai ngộ hay chưa, nếu như đã khai ngộ rồi, thì Y Bát sẽ truyền cho họ. Đây là việc công khai trong đạo tràng, ba ngày sau thì Thần Tú đại sư, đây là bị bắt buộc, là bất đắc dĩ phải làm ra một bài kệ. Bản thân cũng không có chắc chắn, không dám mang cho thầy xem, dán ở bức tường bên ngoài. Ngũ Tổ nhìn thấy rồi thì nói: “*Không tệ, rất tốt!*”. Mọi người y theo bài kệ này mà tu hành sẽ được lợi ích. Bài kệ này được truyền ra, mọi người đều niệm:

“***Thân thị Bồ Đề thọ***

***Tâm như minh cảnh đài***

***Thời thời cần phất thức***

***Mạc sử nhạ trần ai***”.

Huệ Năng đại sư ở trong nhà giã gạo nghe thấy có người niệm hỏi họ đang niệm cái gì? Là Ngũ Tổ muốn truyền pháp. Muốn mọi người viết một bài kệ cho Ngài xem, bài này là do Thần Tú đại sư sáng tác. Ngài nghe rồi trong tâm liền hiểu bài kệ này, vẫn chưa kiến tánh. Yêu cầu những người quen trong Tự viện. Đẫn Ngài đến nơi có dán bài kệ nói là tôi muốn đến đảnh lễ, vun bồi một ít phước báo.

Trên “Đàn Kinh” có một câu nói ý nghĩa rất sâu. Ngài Huệ Năng không phải mới ở có mấy ngày mà đã ở hết tám tháng, tám tháng mà trong cái Tự viện này cũng không quen thuộc. Đây nói rõ điều gì? Nói rõ là Ngài thật thà, công việc được phân công ở trong nhà giã gạo thì không có rời khỏi nhà giã gạo, bên ngoài nơi nào cũng không biết, Thiền Đường ở chỗ nào cũng không biết, giảng đường ở chỗ nào cũng không biết. Thật thà đến mức như vậy đó, thật là khả ái, chân thật đến khả ái. Giữa Ngũ Tổ với Ngài chỉ qua có một lần khi Ngài vừa mới đến. Sau này trong nhà giã gạo thì không có gặp mặt nữa, nhưng hai thầy trò họ tâm đồng ý hợp. Sau khi Ngài lễ bái xong thì Ngài nói: “*Tôi cũng có một bài kệ*”, nhờ người ta viết dùm Ngài. Ngài đem bài kệ của Ngài Thần Tú sửa lại:

“***Bồ Đề bổn vô thọ***

***Minh cảnh diệc phi đài***

***Bổn lai vô nhất vật***

***Hà xứ nhạ trần ai***”.

Bài kệ này vừa được viết ra, thì chấn động cả mọi người. Ngũ Tổ nghe thấy rồi vội vàng lấy chiếc giày bôi xóa nó đi, nói với mọi người rằng chưa kiến tánh, thì sự hoang mang này của mọi người mới được bình ổn lại.

Xóa đi rồi, ngày thứ hai đi tuần liêu. Tuần liêu là phương trụ, trụ trì đi giáp một vòng của ngôi tự miếu, thì gọi là tuần liêu. Mỗi một nơi đều đến xem, đây là lần thứ hai Ngũ Tổ gặp mặt Ngài Huệ Năng. Ngài đang giã gạo, Ngũ Tổ hỏi Ngài:

- “*Gạo đã trắng chưa?*”.

Ngài Huệ Năng nói:

“*Đã sớm trắng rồi, còn thiếu mỗi sàng*”.

Vẫn chưa có sàng ra, giã trắng rồi. Lời nói các ngài là lời bình thường, người khác nghe không hiểu. Trong lòng hai người đã có sự tính toán, hỏi Ngài: “*Đã trắng hay chưa?*”, là hỏi Ngài công phu đã thành thục chưa, không phải là giã gạo. Ngài nói: “*Trắng rồi, chỉ thiếu mỗi sàng*”, nghĩa là chưa có người ấn chứng, ý là muốn cầu lão Hòa thượng ấn chứng. Lão Hòa thượng chống cây gậy gõ trên thành cối giã gạo ba cái rồi bỏ đi, Ngài liền hiểu nửa đêm canh ba đến triệu kiến Ngũ Tổ. Đến canh ba, Ngài lần bước đến phòng của Phương trượng, cửa không có khóa, đẩy một cái là vào được.

Ngũ Tổ tiếp kiến Ngài, giảng cho Ngài đại ý kinh Kim Cang. Đại sư Huệ Năng không có đi học qua nên không cần đến kinh bổn. Khi giảng đến: “**Ưng vô sở trụ**, **nhi sanh kỳ tâm**” thì Ngài liền nói ra năm câu, năm câu này chính là luận văn tốt nghiệp của Ngài, chính là bài thi của Ngài. Nói đến: “**Nào ngờ tự tánh**, **năng sanh vạn pháp**” thì Ngũ Tổ nói:

- “*Được rồi, không cần nói nữa*”.

Y Bát liền truyền cho Ngài, không giảng kinh Kim Cang nữa, phía sau đã thông suốt hết. Trong thời gian chạy nạn, gặp được Tỳ kheo ni Vô Tận Tạng. Ngài lúc đó chưa xuất gia còn là cư sĩ ở trong tự miếu, làm công quả không có địa vị thân phận, Y Bát đã có được. Thầy của Ngài, chính là Ngũ Tổ, kêu Ngài mau mau rời khỏi, Ngài nói:

- “*Con phải đi về đâu*?”

- “*Con đến từ nơi nào thì trở về nơi đó*, *phải trốn đi*, *tránh người khác đố kị*, *làm hại con*, *đợi đến thời cơ nhân duyên chín mùi thì con hãy xuất hiện*”.

Ngài chạy đến chỗ những người thợ săn và ẩn vào ở đó, giúp những người thợ săn, coi giữ thú săn được. Giúp họ nấu cơm trong lúc những người này đi săn. Những người này đều sát sanh, ở nơi này lánh mặt thì an toàn nhất. Phật Pháp không sát sanh, không trộm cắp. Ngài chạy đến một nơi sát sanh như vậy thì người ta sẽ không nghĩ ra là Ngài trốn đến nơi này, và lại sống chung với đám người thợ săn hết 15 năm. Sóng gió bình lặng rồi, mọi người đã quên cái sự việc này rồi, thì Ngài xuất hiện. Nơi Ngài xuất hiện là Quang Hiếu Tự của Quảng Châu hiện nay. Vừa lúc pháp sư Ấn Tông đang ở nơi đó giảng kinh Niết Bàn, trên cây cờ bên ngoài gió thổi làm lá cờ dao động, có hai vị xuất gia đang nói chuyện:

- “*Anh xem, gió động*”.

Người kia nói:

- “*Không phải, phướng động*”.

Hai người đều không phục. Ngài Huệ Năng ngồi ở bên cạnh nghe được, khuyên họ:

- “*Không phải gió động, cũng không phải phướn động, là do nhân giả tâm động*”.

Hai người này vô cùng kinh ngạc; pháp sư Ấn Tông giảng xong bài kinh này thì nghỉ. Nhìn thấy ba người bọn họ đang nói chuyện thì đến xem xem rốt cuộc là có chuyện gì? Ngài vừa nghe thấy:

- “*Không phải gió động, không phải phướn động*”.

Ngài cũng vô cùng kinh ngạc Ngài liền nghĩ đến: “*Liệu đây có phải là truyền nhân của Ngũ Tổ không?*” Mất tích đã 15 năm, không biết là đi đâu. Ngài liền hỏi Lục Tổ:

- “*Có phải là ông không?*

Ngài thừa nhận.

- “*Y Bát có ở đây không?*”

- “*Có*”, Lục Tổ nói.

- “*Mở ra cho chúng tôi xem một chút*”.

Ngài vừa nhìn thấy thì biết là thật, pháp sư Ấn Tông bái phục đến rạp người sát đất. Lúc đó, pháp sư Ấn Tông là một vị cao tăng ở Lĩnh Nam tức là Quảng Đông ngày nay, rất có danh vọng. Người theo Ngài học tập có rất nhiều, Ngài thế độ cho Ngài Huệ Năng. Pháp sư Ấn Tông là thầy thế độ của Ngài Huệ Năng. Sau khi thế độ Ngài, ngược lại lại bái Huệ Năng đại sư làm thầy. Huệ Năng đại sư thông qua sự nâng đỡ của pháp sư Ấn Tông thì thân phận địa vị lập tức được nâng cao lên, là thầy của pháp sư Ấn Tông pháp sư Ấn Tông rất giỏi, không có lòng đố kỵ. Đúng thật là “**Kiến hiền tư tề**”, phát hiện ra tổ đời thứ sáu thì vội vàng quy y, bái sư. Cho nên pháp sư Ấn Tông là pháp tử của Ngài Huệ Năng, là đệ tử truyền pháp. Pháp sư Ấn Tông là thầy thế độ của Ngài Huệ Năng. Xuất gia là do Ngài thế độ cho, quan hệ của hai người họ là như thế.

Cho nên nói tin sâu nhân-quả, đọc tụng Đại Thừa nhất định phải tuân thủ phép tắc, không tuân thủ phép tắc thì không thể khai ngộ. Con đường khai ngộ nhân giới đắc định do phép tắc mà tâm của bạn mới có thể định. Sau khi tâm định rồi, bất định là nhân duyên gì thì cũng sẽ khai ngộ. Cho nên trước khi chưa có khai ngộ, thì đọc kinh là tu định. Người khác thì xếp bằng diện bích tu định. Còn họ thì dùng đọc kinh tu định, phương pháp tu định có rất nhiều, là vô lượng vô biên tức là cần phải chuyên chú. Cho nên không thể học quá nhiều học quá nhiều, thì đó là cầu tri thức, không thể đắc định. Chỉ có một thứ thôi, quyết không cầu ý giải.

Cái từ này có ý nghĩa gì? Cái đoạn này có ý nghĩa gì? Không cần tìm hiểu, chỉ cần đọc thôi, tại vì sao? Là vì muốn tâm thanh tịnh. Nếu như muốn nghĩ cái ý này thì chính là vọng niệm, là vọng tưởng, chính là tạp niệm, không cho phép như vậy. Kêu bạn đọc một ngàn lần, kêu bạn đọc một vạn lần, cũng không được nghĩ đến ý nghĩa, chẳng có ý nghĩa gì. “**Phàm sở hữu tướng**, **giai thị hư vọng**” làm gì có ý nghĩa? Cái cần thiết là gì? Cái cần thiết là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, bạn chỉ cần tìm được tâm thanh tịnh-tâm bình đẳng thì bạn đã thành công, cái bài học này đã viên mãn, ba vị đại đức của Phật Lai tự hiện thân thuyết pháp cho chúng ta, họ dùng phương pháp gì để tu Thiền Định? Là dùng một câu Phật hiệu, Ngài ngay cả kinh cũng không có, Ngài không biết chữ chỉ là một câu Phật hiệu, nhất môn thâm nhập sau ba năm nhất định sẽ đắc định. Sau ba năm, lại thêm ba năm nữa thì nhất định khai ngộ, bất định là triệt ngộ, có tiểu ngộ, có đại ngộ. Sau cùng là triệt ngộ.

Hải Hiền lão Hòa thượng 20 tuổi xuất gia sư phụ dạy Ngài một câu Phật hiệu này. Đến 30 tuổi là được mười năm nhất định sẽ đắc chứng Niệm Phật Tam muội. Cao lắm thì thêm mười năm nữa là 40 tuổi, thì “Đại triệt đại ngộ”. Tại vì sao không thể hoằng pháp lợi sanh? Ở cái thời đại này, có nhiều người không tin Phật Pháp. Đặc biệt là văn hóa đại cách mạng, không cho niệm Phật thì Ngài niệm Phật trong tâm. Không cho lạy Phật, thì nửa đêm thức dậy, người khác ngủ rồi thì Ngài lạy Phật. Tuy là “Đại triệt đại ngộ”, cũng cần dùng phương pháp này. Thân thể khỏe mạnh, thể lực không giảm sút, dùng những phương pháp này cảm hóa chúng sanh 112 tuổi còn leo cây, đi cắt tỉa những nhánh cây. Có mấy người quen biết Ngài đến ngôi chùa nhỏ để thăm Ngài, cây hồng ở trước tiểu miếu của Ngài đã trổ ra rất nhiều trái hồng và đã chín. Ngài leo lên cây, hái xuống một giỏ hồng, chia cho mọi người ăn, hỏi Ngài:

- “*Có gặp qua A Di Đà Phật chưa?*”

- “*Gặp qua rồi*”.

- “*A Di Đà Phật nói gì với Ngài?*”

- “*Tôi cầu A Di Đà Phật cho tôi vãng sanh nhưng Ngài không cho tôi đi, muốn tôi biểu pháp*”.

Một đời của Ngài, gặp qua A Di Đà Phật bao nhiêu lần? Tôi có thể nói tuyệt đối không ít hơn bốn lần, hay nói cách khác vượt qua bốn lần. Chính xác bốn lần là Huệ Viễn đại sư, là Tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Tông chúng ta. Huệ Viễn đại sư, một đời của Ngài gặp A Di Đà Phật bốn lần. Hiền Công lão Hòa thượng xuất gia niệm Phật đến lúc vãng sanh là 92 năm, 92 năm tuyệt đối không chỉ có bốn lần. Ngài với A Di Đà Phật rất thân thuộc, giống như là người bạn thân vậy. Ở cái thế gian này biểu pháp là thay chúng sanh khổ. Chúng ta phải biết, Ngài là làm tấm gương cho mọi người xem, không thể không biết điều này. Cho nên chúng ta xem cái đĩa của Ngài, xem những văn tự báo cáo, cần xem hiểu được nội dung trong đó. Phải có sự sâu sắc, bạn mới thật sự nhận biết Ngài, thật sự hiểu rõ Ngài, mới thật sự phát tâm học tập theo Ngài, có còn kịp không? Vẫn còn kịp.

Thật sự phát tâm học tập theo Ngài, một năm sẽ nhìn thấy được hiệu quả rất tốt. Sau hai, ba năm thì có thể theo kịp Ngài. Tự tại vãng sanh, nếu như vẫn còn thọ mạng thì cũng chẳng cần. Tôi muốn đến Thế Giới Cực Lạc sớm hơn, bạn sẽ nhất định thấy Phật. Phật A Di Đà rất từ bi, những điều kiện mà bạn đưa ra Ngài đều chấp nhận, bạn bằng lòng lưu lại cái thế gian này để biểu pháp, thọ mạng tới rồi, Ngài sẽ kéo dài thọ mạng cho bạn. Tôi tin tưởng Hải Hiền pháp sư 112 tuổi, cái thọ mạng này là Phật A Di Đà kéo dài cho Ngài. Tại vì sao lại kéo dài cho Ngài. Vào lúc này Tập Chủ tịch đã được đắc cử, có chính sách rõ ràng, cần phải tôn trọng văn hóa truyền thống tốt đẹp, không có phản đối tôn giáo nữa, không còn không cho người niệm Phật nữa. Ngài vào lúc này xuất hiện, vì chúng ta chứng minh. Phật Pháp là thật không phải là giả.

Niệm Phật vãng sanh Cực Lạc Thế Giới làm cho những người tu Tịnh Độ của chúng ta trong thời đại này tăng thêm lòng tin, vững chắc tâm nguyện, để những người như chúng ta đều có thể ở trong những năm còn lại về sau tu thành chánh quả, vãng sanh bất thối thành Phật. Cho nên tôi cảm thấy thọ mạng của Ngài không có dài như vậy. Ngài đợi Tập Chủ tịch, chỉ có dưới chính sách của Tập Chủ tịch thì Ngài mới yên tâm ra đi. Phải biết nhìn văn hóa truyền thống, ngày nay không chỉ hưng khởi trong nước mà trên toàn Thế giới đều nhìn thấy. Người nước ngoài ngày một tôn trọng văn hóa Trung Quốc, bắt đầu học tập, đây là việc tốt. Đúng như những gì mà Tonynbee (Thang Ân Tỷ) của Anh Quốc nói giải quyết vấn đề xã hội thế giới của thế kỷ 21, ông nói chỉ có học thuyết Khổng-Mạnh của Trung Quốc cùng với Phật Pháp Đại Thừa.

Chúng ta dùng “Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo”, để làm thí nghiệm, thật sự có hiệu quả. Hiện nay cái hiệu quả này đang từ từ được mở rộng ra trên quốc tế. Những khổ nạn mà lão Hòa thượng chịu trong một đời có giá trị, có ý nghĩatừ Phật Pháp mà nói là công đức vô lượng. Tích công lũy đức, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức, Ngài đi rất là thảnh thơi, rất là tự tại. Cái điểm này mỗi một đồng học niệm Phật đều phải nên nhớ lấy, chúng ta phải phát nguyện. Lúc vãng sanh cũng giống như vậy, đây là thật. Cần người trợ niệm để vãng sanh thì không chắc ăn, không nhất định là thật. Cái kiểu vãng sanh tự tại này mới là thật, không phải giả. Đây là chính thành, phía dưới là thâm tâm. “Thâm tâm” theo giải thích của cổ nhânlà cái “Tâm” hiếu thiện, hiếu đức, cũng nói rất là hay.

Tôi lúc còn trẻ ở Mỹ, Canada giảng kinh. Giới thiệu với mọi người về Bồ Đề Tâm. Tôi còn nhớ lần đầu tiêngiảng kinh Vô Lượng Thọ là ở Canada, lần thứ hai là ở California, nói đến đây tôi đột nhiên cảm thấytrên tựa kinh đã quá rõ ràng. Thâm tâm là cái gì? Chính là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”, mọi người đều dễ hiểu, rất là cụ thể. Thâm tâm là tự thọ dụng, là tự thọ dụng của Bồ Đề Tâm, chính là tự thọ dụng của tâm chí thành. Cho nên tôi dùng “***Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi***”, dùng mười chữ này để nói phát Bồ Đề Tâmthì mọi người sẽ dễ hiểu. Thâm tâm là cái gì? Chính là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác”, là tự thọ dụng. Chúng ta học Phật nên đối đãi với bản thân như thế nào? Là tâm địa ngày một thanh tịnh hơn, ngày một bình đẳng hơn, ngày một có trí huệ hơn. Giác chính là trí huệ tăng trưởng, đây là Bồ Đề Tâm, là đại từ đại bi, đây chính là tâm phát nguyện hồi hướng.

“**Cụ Tam tâm giả**, **tất sanh bỉ quốc**”, bạn có đầy đủ ba cái “Tâm” tâm này, bạn nhất định vãng sanh. Ngữ khí vô cùng khẳng định, đó là lời trên Quán Kinh đã nói, phía sau là Niệm lão làm tổng kết ở đây: “**Phát thử Tam tâm**, **diệc tức phát Bồ Đề Tâm dã**”, phát ba cái “Tâm” này chính là phát bồ tâm màtrong Đại Thừa giáo nói.

Chúng ta xem đoạn bên dưới, đoạn thứ tư: “**Bồ Đề Tâm nghĩa vân**”, Bồ Đề Tâm nghĩa là tên sách, bên trong có nói: “**Thử Bồ Đề chi tâm, thành Phật chi bổn. Đại sự nhân duyên mạc quá ư thử**”. Câu nói này rất quan trọng. Bồ Đề Tâm là tiêu chuẩn của Phật Pháp Đại Thừa. Hay nói cách khác, Phật Pháp Đại Thừa kiến lập trên nền tảng của Bồ Đề Tâm. Chúng ta học Phật không những đơn thuần giảng về làm người, mà Bồ Đề Tâm đối với chúng ta cũng rất là quan trọng. Bồ Đề Tâm là chân tâm, nhân sinh trên thế gian này, cần phải sống cho có ý nghĩa, sống cho có giá trị, sống cho hoan hỷ, sống cho vui vẻ, sống cho hạnh phúc. Ngày tháng này làm sao trải qua? Là cần dùng Bồ Đề Tâm. Chúng ta dùng chân tâm để đối đãi mọi người, dùng chân tâm đối đãi với bản thân. Dùng tâm chí thành đối với bản thân, tâm của mình chính là thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác. Ba câu nói này là ba tầng cấp, có được một phần nhỏ của chân tâm là A La Hán. Phàm phu không có chân tâm, đều là giả, là giả tình giả nghĩa.

Đối với bạn tốt, công danh lợi lộc ở trước mắt bạn thì tâm bạn sẽ thay đổi, vậy đó không phải là thật. Chân tâm là mãi mãi không thay đổi, chỉ có trong cửa Phật mới có. Chúng ta nhất định phải biết trong Phật môn dạy cho chúng ta. Cho nên A La Hán, Bích Chi Phật thiểu phần chân tâm, thì họ dùng chân tâm. Cũng chính là dùng tâm thanh tịnh, các ngài không chịu sự nhiễm ô của cảnh giới bên ngoài, có thể làm được điều này, tâm chính thành của Bồ Tát thì là đa phần Pháp Thân, đại sĩ là viên mãn. Bồ Đề Tâm viên mãn đa phần nghĩa là họ không những thanh tịnh mà họ còn có sự bình đẳng, đây là Bồ Tát. Chỉ có thanh tịnh, không có bình đẳng, đây là Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác viên mãn có nghĩa là có giác, là Chánh Giác, đây là những ai? Đây chính là “Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Đây là Bồ Đề Tâm đầy đủ, đối đãi với bản thân, thì chúng ta cầu cái gì? Là cầu ba cái “Tâm” này, ba cái “Tâm”: “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. Dùng tâm này để sinh sống, dùng tâm này làm việc, dùng cái “Tâm” này để đối nhân xử thế thì bạn, cuộc sống của bạn sẽ là cuộc sống của Phật, Bồ Tát, tự tại biết bao! Cuộc sống của Bồ Tát Hải Hiền là như thế, chúng ta phải hiểu. Cuộc sống của Ngài có ý nghĩa, có giá trị, Ngài vô cùng hạnh phúc, vui vẻ. Chúng ta cảm thấy Ngài sống rất là khổ nhưng bản thân Ngài rất vui vẻ, ăn được no, mặc được ấm, có một nơi nho nhỏ để tránh mưa tránh gió, không có lo lắng, không có bận tâm, không có bất kỳ áp lực nào.

Các bạn cảm thấy đau khổ, nhưng Ngài thì hoàn toàn không có, bạn nói xem tự tại biết bao, đối nhân xử thế một lòng chân thành từ bi. Bạn xem trồng trọt nhiều như vậy, Ngài không cần thiết phải trồng nhiều như vậy. Cái miếu nhỏ này chỉ có bốn người ở, trồng năm mẫu là đủ rồi, cuộc sống của cả nhà toàn bộ đã được giải quyết, năm mẫu đất là được. Tại vì sao cần trồng tới hơn 100 mẫu? Đây là do Ngài đại từ đại bi, Ngài muốn giúp cho những người già khổ nạn trong nông thôn. Bây giờ những người trẻ trong nông thôn đều đi hết rồi, ra bên ngoài kiếm việc làm, người già phải làm sao? Cho nên Ngài không cần ruộng đất của người ta, không dùng ruộng đất của người ta, là Ngài tự khai hoang. Đất không có chủ thì Ngài khai khẩn, sau khi khai phá xong thì Ngài trồng trọt lúa, trồng lương thực, trồng rau xanh. Trồng nhiều như vậy, đi khắp nơi phân phát cho người khác là bố thí tài, thể lực là bố thí nội tài. Đây chính là tâm đại từ đại bi của Ngài. Ngài làm thật, lòng yêu thương của Ngài không phải giả, thật sự dùng sức lao động của mình mà làm ra bố thí cho mọi người. Cho nên tôi dùng cách này để giải thích Bồ Đề Tâm thì dễ hiểu.

“**Chân thành**, **thanh tịnh**, **bình đẳng**, **Chánh Giác**, **từ bi**”, mười chữ này, ngoài ra chúng ta làm người, là lão sư dạy cho chúng ta. Tu hành, tu cái gì? Là “**Nhìn thấu**, **buông xuống**, **tự tại**, **tùy duyên**, **niệm Phật**”. Tôi đem nó làm thành hai câu đối, học Phật theo hai mươi chữ của hai câu đối này, sẽ không đi sai đường. Nhất định có thành tựu.

Hôm nay thời gian đến rồi, chúng ta học tập đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

